

Bản án số: 70/2021/DS-ST.

Ngày: 21-6-2021.

"V/v Tranh chấp Hợp đồng  
tín dụng".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Võ Thị Bích Ngọc.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Yến Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT; địa chỉ: Số 266-268, đường NKKN, phường VTS, Quận A, Thành phố HCM; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hồng S, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh VL (Theo Văn bản ủy quyền số: 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020); người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1991, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ tại Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh VL (Theo Giấy ủy quyền số 56/2021/UQ-CNVL ngày 08/02/2021); địa chỉ: Số 35B, Đường 3 tháng 2, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vinh Long (Có mặt).

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 60C, đường Nguyễn Văn L, Khóm C, Phường D, thành phố VL, tỉnh Vinh Long (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2021 và trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Phú Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày như sau:

Vào ngày 28/01/2013, ông Nguyễn Minh T có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng để yêu cầu phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP SGTT, căn cứ vào thu nhập thực tế, Ngân hàng đã đồng cấp cho ông T 02 thẻ tín dụng gồm: Thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) số 472074-6486 và thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) số 970403-0784; hạn mức tín dụng: là 20.000.000 đồng (được chia đều cho mỗi thẻ là 10.000.000 đồng); thời hạn cấp tín dụng: Không có thỏa thuận thời hạn; thời hạn sử dụng thẻ: 02 thẻ tín dụng nêu trên có thời hạn sử dụng là 03 năm kể từ ngày 28/01/2013; mục đích vay: Để tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng đối với thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) số 472074-6486 và lãi suất 2,5%/tháng đối với thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) số 970403-0784; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, ngoài ra bên vay còn phải chịu các khoản phí liên quan như: Phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và phí thường niên; phương thức trả nợ gốc lãi vào ngày 22 tây hàng tháng; hình thức bảo đảm tiền vay: Theo hình thức tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông T đã thực hiện việc rút tiền mặt, vào ngày 19/6/2014 ông T có nhu cầu nâng hạn mức cấp tín dụng lên 40.000.000 đồng, căn cứ vào nhu cầu, điều kiện trả nợ vì vậy Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng theo yêu cầu nâng hạn mức cấp tín dụng cho ông T. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) để rút tiền là 114.757.697 đồng và sử dụng thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) để rút số tiền là 73.624.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) số 472074-6486 kể từ ngày 10/02/2013 cho đến ngày 22/01/2019 ông T đã thanh toán số tiền vốn lãi là 112.159.109 đồng và thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) số 970403-0784 kể từ ngày 20/02/2013 cho đến ngày 22/01/2019 ông T đã thanh toán số tiền vốn lãi là 83.674.637 đồng thì ngưng không tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng, do đó ngày 22/02/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả số tiền vốn lãi còn nợ là 85.698.807 đồng (Trong đó: Gốc: 44.116.207 đồng và lãi quá hạn: 41.582.600 đồng).

Tại phiên tòa ông Nguyễn Phú Q vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, yêu cầu ông T phải trả số tiền vốn lãi còn nợ tính đến ngày 21/6/2021 đối với thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) số 472074-6486 là 40.956.151 đồng (Trong đó: Gốc: 21.401.051 đồng, lãi quá hạn: 19.555.100 đồng); thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) số 970403-0784 là 46.850.056 đồng (Trong đó: Gốc: 22.715.156 đồng, lãi quá hạn: 24.134.900 đồng) và yêu cầu ông T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh T nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông T được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng bị đơn ông T chưa chấp hành tốt quy định pháp luật; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Áp dụng Điều 26, 35, 39 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT. Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT số tiền vốn lãi tính đến ngày 21/6/2021 đối với thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) số 472074-6486 là 40.956.151 đồng (Trong đó: Gốc: 21.401.051 đồng, lãi quá hạn: 19.555.100 đồng); thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) số 970403-0784 là 46.850.056 đồng (Trong đó: Gốc: 22.715.156 đồng, lãi quá hạn: 24.134.900 đồng) và yêu cầu ông T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.390.000 đồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại thành phố VL được Tòa án nhân dân thành phố VL thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Mục đích bị đơn vay tiền để tiêu dùng, không nhằm mục đích kinh doanh nên có căn cứ xác định đây là vụ án tranh chấp về Hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/01/2013 giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT và bị đơn ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) số 472074-6486 và thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) số 970403-0784 được ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bị đơn ông Nguyễn Minh T được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT nhưng không có ý kiến hoặc phản bác đối với yêu cầu này do đó hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình sử dụng thẻ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn lãi được một khoảng thời gian thì ngưng mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó Ngân hàng TMCP SGTT đã chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, ông Quốc yêu cầu ông T phải trả số tiền vốn lãi còn nợ tính đến ngày 21/6/2021 đối với thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) số 472074-6486 là 40.956.151 đồng (Trong đó: Gốc: 21.401.051 đồng, lãi quá hạn: 19.555.100 đồng); thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) số 970403-0784 là 46.850.056 đồng (Trong đó: Gốc: 22.715.156 đồng, lãi quá hạn: 24.134.900 đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ

sung năm 2017 và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam "Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng" nên được chấp nhận.

[4.2] Xét đối với yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh T tiếp tục thanh toán số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc sau ngày 21/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên:

Xét khi ký kết các hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt và phí. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ, do đó Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc từ sau ngày 21/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên là phù hợp theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T phải chịu 4.390.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 2.024.000 đồng theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0000094 nộp ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VL.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền vốn lãi tính đến ngày 21/6/2021 đối với thẻ tín dụng quốc tế (Sacombank visa) số 472074-6486 là 40.956.151 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn một trăm năm mươi một đồng) (Trong đó: Gốc: 21.401.051 đồng, lãi quá hạn: 19.555.100 đồng) và thẻ tín dụng nội địa Family (Sacombank family) số 970403-0784 là 46.850.056 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn không trăm năm mươi sáu đồng) (Trong đó: Gốc: 22.715.156 đồng, lãi quá hạn: 24.134.900 đồng) và yêu cầu ông T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2021) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## 2. Về án phí:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T phải chịu 4.390.300 đồng (Bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP SGTT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 2.024.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0000094 nộp ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VL.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Minh Trường**